

Số: 170/2019/QĐST-HNGĐ

Phú Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 33, 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Điều 24, 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị N, sinh ngày: 16/3/1983;

Nơi cư trú: Xóm T, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn C, sinh ngày: 17/5/1979;

Nơi cư trú: Xóm T, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ghi nhận việc Chị Dương Thị N và anh Dương Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản trên thửa đất 1579 tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Về phân chia quyền sử dụng đất thửa đất số 1579 tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã Bảo Lý, như sau:

- Chị Dương Thị N được quyền sử dụng 479,3 m² (Trong đó có 75 m² đất thổ cư và 404,3 m² đất vườn tạp) của thửa số 1579 tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã B, có các kích thước cụ thể như sau: Cạnh phía Bắc tiếp giáp thửa đất

nhà anh Dương Văn V là 17,37 m; cạnh phía Đông tiếp giáp tỉnh lộ 269C rộng 25 m; cạnh phía Tây tiếp giáp thửa đất nhà ông Dương Văn B (Bố đẻ anh C) là 25 m; cạnh phía Nam tiếp giáp với thửa đất còn lại của thửa 1579 là 21,2 m.

- Anh Dương Văn C được quyền sử dụng 1.191,7 m² (Trong đó có 75 m² đất thổ cư và 1.116,7 m² đất vườn tạp) của thửa số 1579 tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính xã B với các cạnh tương ứng còn lại của thửa đất nêu trên.

2. 3. Giá trị tài sản chung chị N được hưởng là 71.915.000 đồng (Bảy mươi một triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng); giá trị tài sản chung anh C được hưởng là 112.522.000 đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng).

2.4. Về chi phí tố tụng khác: Ghi nhận việc Chị Dương Thị N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tổng cộng là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), chị N đã thi hành xong.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị N phải chịu 1.798.000 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 7.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000804 ngày 23 tháng 5 năm 2019. Chị N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 5.702.000 đồng (Năm triệu bảy trăm linh hai nghìn đồng).

- Anh Dương Văn C phải chịu 2.813.000 đồng (Hai triệu tám trăm mười ba nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Phú Bình;
- Chi cục THADS huyện Phú Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Toàn

